

# MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỸ

Ngày 10/09/2015, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định số **410/QĐ-SGDHCM** cho Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ (STK) niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Theo dự kiến, ngày **30/09/2015** cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ sẽ chính thức giao dịch với mã chứng khoán **STK**.

Để giúp quý vị độc giả có thêm thông tin, HOSE xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động và những kết quả kinh doanh đáng chú ý của STK trong thời gian qua.

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG

Tên gọi : **Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ**  
Tên tiếng Anh : **CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION**  
Tên viết tắt : **STK**  
Trụ sở chính : B1-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP.HCM  
Điện thoại : (08) 3790 7565 Fax: (08) 3790 7566  
Website : [www.theky.vn](http://www.theky.vn)  
Giấy CNĐKDN : Giấy CNĐKDN số mới 0302018927 (số cũ 4103003288) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 11/04/2005 và thay đổi lần thứ 13 ngày 14/01/2015.  
Vốn điều lệ : 423.053.360.000 đồng

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

- 2000: Thành lập ngày 01/06/2000
- Sợi Thể Kỹ tiền thân là Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Thương mại Thể Kỹ, được thành lập ngày 01/06/2000 theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4101001242, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 01/06/2000, chuyên sản xuất sợi DTY (Draw Textured Yarn) từ nguyên liệu sợi POY (Partially Oriented Yarn) nhập khẩu.
- 2005: Chuyển đổi thành công ty cổ phần
- Ngày 11/04/2005, Sợi Thể Kỹ được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003288, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng.
- 2008: Trở thành công ty Việt Nam đầu tiên sản xuất polyester microfilament từ polyester chip
- Sợi Thể Kỹ đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất sợi POY (nguyên liệu đầu vào sản xuất sợi DTY) để góp phần gia tăng lợi nhuận. Việc đầu tư sản xuất sợi POY còn hướng đến mục tiêu giảm sự phụ thuộc vào nguyên liệu POY nhập khẩu, đặc biệt là sự biến động giá cả và nguồn cung sợi POY. Tổng công suất sản xuất sợi POY đạt 14.500 tấn/năm.
- 2009 - 2010: Tăng vốn và đầu tư xây dựng nhà máy thứ hai tại Chi nhánh Trảng Bàng, Tây Ninh

- 2011: Trở thành Công ty đại chúng (Ngày 21/02/2011)
- 2014 - 2015: Đầu tư nhà máy mở rộng tại Chi nhánh Trảng Bàng - Giai đoạn 3. Tính đến thời điểm tháng 7/2015, Công ty đã hoàn thiện 100% công trình. Hiện tại, dự án Trảng Bàng – Giai đoạn 3 được thực hiện đúng theo kế hoạch đã đề ra và đã chính thức khai thác 50% công suất từ tháng 7/2015 nâng tổng công suất lên 44,500 tấn/năm trong năm 2015 và 50% công suất còn lại sẽ tiếp tục đưa vào hoạt động chính thức từ đầu tháng 01/2016, tổng công suất dự kiến sẽ được nâng lên 52,000 tấn/năm trong năm 2016.

## **2. Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Công ty theo giấy ĐKKD:**

- Sản xuất sợi (Chi tiết: Sản xuất sợi tơ tổng hợp)
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác (Chi tiết: Dệt kim).

Với lĩnh vực kinh doanh đã được đăng ký như trên, Công ty hiện đang cung cấp các sản phẩm sau: Sợi POY, sợi DTY và sợi FDY.

## **PHẦN II. VÀI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Sản phẩm chính của Sợi Thế Kỷ là sợi polyester Draw Textured Yarn (DTY) và Fully Drawn Yarn (FDY) thuộc nhóm sợi nhân tạo và được sản xuất từ nguyên liệu đầu vào là hạt polyester chip (một chế phẩm từ dầu mỏ)..

Sản phẩm vải làm từ sợi polyester có độ mềm mịn cao, nhẹ và tạo cảm giác thoáng mát khi sử dụng, đồng thời có ưu thế hơn so với loại sợi cotton về giá cả, chất lượng và tính hữu dụng. Sợi polyester được ứng dụng để sản xuất các sản phẩm may mặc ngoài trời như áo trượt tuyết, áo gió, quần áo thể thao và thời trang thư giãn (leisure wear). Đồng thời, sợi polyester cũng được ứng dụng để sản xuất các sản phẩm có tính co giãn bốn chiều khi kết hợp với sợi spandex như quần áo bơi, dây đai co giãn, dây thun và các sản phẩm gia dụng khác như vải, khăn phủ bàn ghế, vải sofa, rèm cửa sổ, thảm, v.v...

Sản phẩm của Sợi Thế Kỷ đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế chuyên cung cấp cho các nhà máy dệt kim, dệt thoi để sản xuất vải (vải ni, vải cào lông, quần tây, áo vest) và phụ liệu giày dép theo các đơn hàng của các công ty đa quốc gia như: Nike, Adidas, Uniqlo, Columbia, Ikea, Reebok, Guess, Decathlon.

#### **a) Nguyên vật liệu**

##### **Nguồn cung cấp và sự ổn định của nguồn cung cấp**

Hiện nay, khoảng 90% nguyên liệu và linh phụ kiện của Sợi Thế Kỷ được nhập khẩu từ các nhà cung cấp lớn đến từ Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật, Đức, và một phần nhỏ còn lại được nhập từ Trung Quốc và Việt Nam (chủ yếu là ống giấy và thùng carton).

Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, Công ty đã luôn chú trọng việc lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu uy tín, đáp ứng được các tiêu chuẩn về chất lượng, giá cả và số lượng để đảm bảo sự ổn định cho đầu vào của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn đảm

bảo thực hiện tốt các khâu lập kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu, đảm bảo đủ nguyên vật liệu cho dự trữ và sản xuất, kiểm soát giá thành của sản phẩm.

Để giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Sợi Thế Kỷ đã chủ động mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu, không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào. Mỗi mặt hàng chính đều duy trì mua hàng ít nhất với 03 nhà cung ứng. Ngoài ra Công ty đã đăng ký thành viên của 1 trang web quốc tế có uy tín để cập nhật giá thị trường thường xuyên, đảm bảo nguyên vật liệu được mua với giá hợp lý phù hợp với giá thị trường. Đây là biện pháp giúp Công ty đảm bảo được sự ổn định về giá nguyên vật liệu trong một khoảng thời gian nhất định, giảm thiểu những ảnh hưởng bất cập đến hiệu quả sản xuất kinh doanh trong trường hợp giá nguyên vật liệu có biến động lớn.

### **b) Trình độ công nghệ**

Trình độ công nghệ của Công ty trong ngành sợi xơ dài (Polyester filament) thuộc tầm trung bình cao. Hiện nay đối tượng so sánh của Công ty là những công ty đồng nghiệp hàng đầu ở các nước Đài Loan, Hàn Quốc. Những yếu tố cấu thành trình độ công nghệ ở mức cao của Sợi Thế Kỷ bao gồm:

- Do chiến lược kinh doanh đặt ra là tập trung phát triển vào phân khúc thị trường có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm nên thiết bị công nghệ và hệ thống quản lý của Công ty được đầu tư cho chiến lược kinh doanh thỏa mãn tiêu chí công nghệ tiên tiến tại từng thời kỳ.
- Công nghệ được đầu tư trang bị thuộc thế hệ mới và hiện đại. Máy móc thiết bị được chế tạo bởi Tập đoàn hàng đầu châu Âu Oerlikon Barmag với phiên bản máy mới nhất với wings cho POY và EFK cho máy DTY; đảm bảo tạo ra các sản phẩm có độ chính xác cao và chất lượng ổn định, đảm bảo tính thống nhất cao. Ngoài ra các thiết bị máy móc của Công ty đều có tính năng tiết kiệm năng lượng, có tính cạnh tranh cao, góp phần bảo vệ môi trường.

Năm 2011, để nâng cao tính minh bạch và tăng cường hiệu quả quản lý và sản xuất, Sợi Thế Kỷ đã triển khai áp dụng hệ thống ERP – SAP All In One. Từ đầu năm 2012, Công ty đã chính thức đưa hệ thống vào vận hành thành công.

Dự án mới tại nhà máy Trảng Bàng 3 có áp dụng hệ thống POC của nhà cung cấp Oerlikon Barmag. Đây là hệ thống tiên tiến trên thế giới, giúp tăng cường hiệu quả sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm.

Phía nhà cung cấp định kỳ sang Công ty hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật. Nhờ đó mà Công ty có thể nắm vững được tính năng, thao tác chính xác trên hệ thống máy móc.

Ngoài ra, tại mỗi nhà máy, Công ty đã xây dựng một phòng thí nghiệm với các máy móc thiết bị hiện đại, nhằm phục vụ mục đích kiểm soát chất lượng toàn khâu sản xuất.

#### *Một số máy móc thiết bị điển hình của Công ty*

<b>STT</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Hiệu máy</b>	<b>Nhà sản xuất</b>	<b>Xuất xứ</b>
1	Sản xuất POY	- EVO spinning	Oerlikon Barmag	Đức

STT	Máy móc thiết bị	Hiệu máy	Nhà sản xuất	Xuất xứ
		- Wings winder		
2	Sản xuất DTY	- EFK	Oerlikon Barmag	Đức
3	Máy nén khí	- TA 3000	Cameron (USA)	Mỹ
4	Hệ thống điều không	- Chiller Carrier	Hong Yan Engineering	Đài Loan

*Nguồn: Sợi Thế Kỷ*

**c) Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013, 2014 và 6 tháng đầu năm 2015**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm 2014/2013	6 tháng đầu năm 2015
Tổng giá trị tài sản	1.025.471	1.244.953	21,40%	1.615.528
Vốn chủ sở hữu	503.063	674.817	34,14%	673.358
Doanh thu thuần	1.453.047	1.457.517	0,31%	630.345
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	95.425	135.417	41,91%	69.692
Lợi nhuận khác	-185	747	-	372
Lợi nhuận trước thuế	95.426	136.164	42,69%	70.064
Lợi nhuận sau thuế	74.400	106.107	42,62%	54.659
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	15%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	15,30%	18,02%	2,71%	8,12%

*(Nguồn: Bản cáo bạch niên yết)*

**d) Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm**

Trong năm 2015, Công ty sẽ nghiên cứu phát triển thêm một số các dòng sản phẩm mới như sau:

- Sợi Full Dull: sợi chống được tia UV, phân xạ được ánh nắng mặt trời, không phản quang, không hấp thụ nhiệt, giảm đứt sợi POY, DTY khi sản xuất. Phòng Q&A – Phòng Kinh doanh sẽ tìm hiểu nhu cầu sử dụng của khách hàng đối với sản phẩm này trước khi thực hiện sản xuất.
- Sợi Recycle: STK đang nghiên cứu hợp tác vốn với nhà cung ứng Mỹ, nhà cung ứng sẽ cung cấp chip và hỗ trợ kỹ thuật để STK sản xuất sợi Recycle và cung cấp lại sợi cho nhà cung ứng.
- Sợi Flame Retardant: STK đang nghiên cứu hợp tác vốn với nhà cung ứng Hàn Quốc, nhà cung ứng sẽ cung cấp chip chống cháy và hỗ trợ kỹ thuật, STK sẽ sản xuất Sợi Flame Retardant và cung cấp lại sợi cho nhà cung ứng.

## 2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,32	2,23
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,63	1,35
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	%	50,94	45,80
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	103,85	84,49
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	6,30	6,32
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	1,42	1,28
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,12	7,28
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,30	18,02
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,29	9,35
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,57%	9,29%
<b>Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần</b>			
Thu nhập trên mỗi cổ phần (Lợi nhuận sau thuế/ Bình quân gia quyền số cổ phiếu lưu hành)	Đồng/cổ phần	1.917	2.725
Giá trị sổ sách của một cổ phần (Vốn chủ sở hữu/Số cổ phiếu đang lưu hành)	Đồng/cổ phần	15.949	15.951

◆ Nguồn: BCB STK

## 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

### a) Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015 - 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015
Tổng doanh thu	1.579.000	1.457.517	1.694.884	16,29%	1.978.000	16,70%

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015
Lợi nhuận trước thuế	119.000	136.146	148.842	9,33%	179.000	20,26%
Lợi nhuận sau thuế	92.820	106.107	116.097	9,42%	160.000	37,82%
Vốn điều lệ	423.053	423.053	465.358	10%	465.358	-
Tỷ suất sinh lời/ Vốn điều lệ (%)	21,94%	25,08%	24,95%	-0,13%	34,38%	9,43%
Cổ tức	63.458	63.458	69.804	6.346	69.804	-
Tỷ lệ cổ tức/ VDL (%)	15%	15%	15%	-	15%	-

*Nguồn: Sợi Thép Kỹ*

**b) Căn cứ để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra:**

Công ty đã chính thức đưa nhà máy vào hoạt động khai thác 50% công suất từ tháng 7/2015 và 50% công suất còn lại sẽ tiếp tục đưa vào hoạt động chính thức từ đầu tháng 01/2016, tăng công suất thêm 15.000 tấn/năm và nâng tổng công suất của STK lên 52.000 tấn/năm trong năm 2016.

Ngoài ra, Công ty dự kiến sẽ đầu tư thêm 12,5 triệu USD (tương đương 273 tỷ đồng) cho nhà máy Trảng Bàng 4 để nâng công suất thêm 8.000 tấn/năm. Công ty sẽ lắp đặt máy móc thiết bị từ Quý 4 năm 2015 đến Quý 2 năm 2016. Dự kiến Quý 3 năm 2016 sẽ hoàn tất công tác lắp đặt và đưa vào khai thác sản xuất chính thức, nâng tổng công suất của Công ty lên 60.000 tấn/năm.

Công ty tập trung thực hiện các giải pháp chủ yếu bao gồm:

- Giải pháp marketing mở rộng thị trường: Phát triển chiến lược Marketing tập trung vào nhu cầu khách hàng, thực hiện tăng cường đa dạng hóa cơ sở khách hàng. Phát triển công tác tiếp thị tại thị trường các nước trong khu vực và các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam.
- Giải pháp đầu tư kỹ thuật và nhân sự: Tăng cường củng cố nhân sự có năng lực góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm. Xây dựng lực lượng lao động lành nghề, có những chính sách nhằm thu hút và giữ chân các chuyên gia có tay nghề và kinh nghiệm. Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng tại nhà máy đến từng cá nhân trong bộ máy quản lý để đảm bảo năng suất và chất lượng sản phẩm.

Theo STK, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận này là chưa tính đến ảnh hưởng tích cực (nếu có) từ hiệp định TPP.

### **PHẦN III. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH**

#### **1. Vị thế của Công ty:**

Hiện nay trong cả nước chỉ có 5 doanh nghiệp sản xuất sợi DTY, trong đó:

- Công ty CP Sợi Thế Kỷ.
- Công ty TNHH Formosa Hưng Nghiệp.
- Công ty Hualon Corp.
- Công ty TNHH Đông Tiến Hưng.
- Công ty cổ phần Hóa Dầu & Xơ Sợi Dầu Khí (PVTEX)

Nhưng đối với sản phẩm sợi polyester filament thì chỉ có Sợi Thế Kỷ và Công ty Formosa Hưng Nghiệp có chiến lược và định vị phát triển phân khúc khách hàng trung cao.

Sợi Thế Kỷ đã triển khai dự án đầu tư nhà máy mở rộng tại Chi nhánh Trảng Bàng – Giai đoạn 3 với tổng vốn đầu tư lên tới 33,9 triệu USD, tương đương 729 tỷ đồng, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường về sợi microfilament DTY cao cấp. Dự án được kỳ vọng lớn về khả năng cung cấp sợi cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Trong dự án này, Sợi Thế Kỷ sẽ đầu tư toàn bộ máy kéo sợi DTY tự động có công nghệ hiện đại nhất hiện nay do Tập đoàn hàng đầu châu Âu Oerlikon Barmag sản xuất. Dự kiến khi hoàn tất, nhà máy sẽ cung cấp thêm khoảng 15.000 tấn POY và 15.000 tấn DTY mỗi năm, nâng tổng công suất toàn công ty lên hơn 52.000 tấn sợi mỗi năm. Hiện tại, 50% công suất đã được đưa vào khai thác thương mại từ đầu đầu tháng 7 năm 2015 và 50% còn lại sẽ tiếp tục được đưa vào khai thác từ tháng 1 năm 2016.

Là Công ty sản xuất sợi quy mô lớn, Sợi Thế Kỷ được đánh giá là doanh nghiệp có nhiều lợi thế trong việc đón đầu xu thế dịch chuyển đơn hàng dẫn đến sự dịch chuyển đại trà các nhà máy sản xuất vải (khách hàng của nhà sản xuất sợi) từ Trung Quốc qua Việt Nam và cơ hội tăng thêm khi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) có hiệu lực. Việc đầu tư nhà máy với tổng vốn 33,9 triệu USD kể trên nằm trong chiến lược tối ưu hóa quy mô sản xuất, chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để khai thác cơ hội từ làn sóng dịch chuyển đơn hàng từ Trung Quốc qua Việt Nam này và cơ hội tăng thêm từ TPP. Công ty còn có kế hoạch liên doanh, liên kết, M&A, mời đối tác đầu tư mở rộng sản xuất vào lĩnh vực dệt vải, nhuộm ..., nhằm hoàn chỉnh chuỗi cung ứng.

#### **2. Triển vọng phát triển của ngành:**

##### **❖ Ngành dệt may Việt Nam**

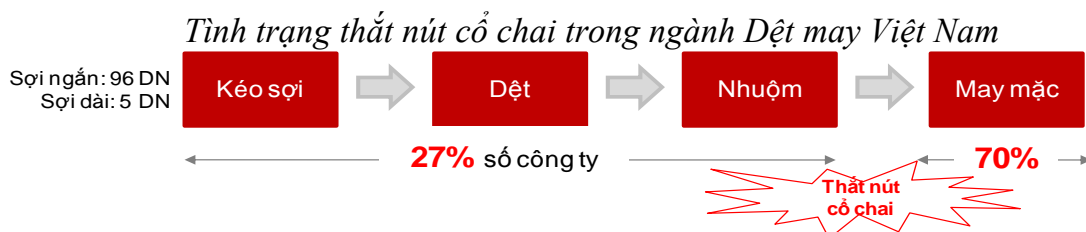
- *Việt Nam hiện là một trong 5 nhà xuất khẩu dệt may hàng đầu thế giới*

Tại Việt Nam, ngành Dệt may Việt Nam sau hơn 20 năm liên tục phát triển với tỷ lệ tăng trưởng bình quân 15%/năm, đến nay đã vươn lên trở thành ngành kinh tế hàng đầu cả nước, với kim ngạch xuất khẩu đóng góp từ 10% - 15% GDP hàng năm. Ngành dệt may của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng khoảng 13% trong năm 2015. Việt Nam hiện là một trong 5 nhà xuất khẩu dệt may hàng đầu thế giới với thị phần

4% - 5%. Tuy nhiên, ngành công nghiệp dệt may Việt Nam hiện nay chỉ tham gia vào phần thứ 3 trong chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu là Cắt và May.

- **Tình trạng thắt nút cổ chai tại khâu đoạn dệt nhuộm trong chuỗi cung ứng dệt may trong nước.**

Theo thống kê Tập đoàn dệt may Việt Nam, trong năm 2013, Việt Nam có 5.982 công ty dệt may. Trong đó các công ty may chiếm tỷ trọng lớn (70%), kéo sợi (6%), nhuộm (4%) và ngành công nghiệp hỗ trợ (3%). Bên cạnh đó, ngành Dệt may vẫn còn phụ thuộc lớn vào nguyên phụ liệu nhập khẩu (khoảng 70%), chủ yếu từ thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Riêng về nhập khẩu xơ sợi, năm 2013, tỷ trọng nhập khẩu sợi trong tổng giá trị nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành dệt may là 11,2%. Đây là hệ quả của tình trạng thắt nút cổ chai tại khâu sản xuất vải cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các doanh nghiệp tại khâu may mặc. Hiện tại, trong nước cần thêm 6 tỷ m<sup>2</sup> vải, tương ứng các doanh nghiệp kéo sợi cung cấp thêm 600.000 tấn sợi và các doanh nghiệp dệt nhuộm trong nước đáp ứng đủ năng lực sản xuất để tạo ra vải thành phẩm.



*Nguồn: Vitas, 2012*

- **Các hiệp định thương mại song phương và đa phương mang lại nhiều cơ hội cho ngành dệt may Việt Nam.**

Một số hiệp định thương mại đa phương, tiêu biểu là Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược Xuyên Thái Bình (TPP) và Hiệp định Thương mại Tự do với Châu Âu kỳ vọng sẽ được thông qua sẽ tạo cú hích lớn cho ngành Dệt may Việt Nam.

Ngành Dệt may Việt Nam được dự báo sẽ có sự phát triển với tốc độ nhanh và ổn định trong những năm tới. Chính phủ Việt Nam đã đặt mục tiêu cho ngành dệt may, từ năm 2017-2020, dệt may Việt Nam sẽ phấn đấu đứng thứ hai hoặc thứ ba trong top các nước xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới. Và gần đây nhất, theo Quy hoạch phát triển ngành dệt may Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 được Bộ Công Thương phê duyệt vào tháng 4/2014, ngành dệt may đặt mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu và tăng trưởng thị trường nội địa đạt từ 10% - 12%/năm.

#### ❖ Phân ngành Kéo Sợi

Ngành kéo sợi là khâu đầu tiên của chuỗi dệt may và giữ vai trò trọng yếu trong việc cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các phân đoạn còn lại gồm dệt – nhuộm, và cắt may. Tính đến năm 2012, Việt Nam có khoảng 5,1 triệu cọc sợi, chiếm khoảng 2,04% số lượng toàn cầu, sản xuất ra 720.000 tấn sợi, trong đó xuất khẩu 470.000 tấn.

Trên thế giới, sợi được phân làm 2 loại: sợi thiên nhiên (chiếm khoảng 33% tổng nhu cầu) và sợi tổng hợp (chiếm khoảng 67% tổng nhu cầu, trong đó sợi tổng hợp từ polyester chiếm khoảng 73% trong nhu cầu về sợi tổng hợp).



Ngành sợi tại Việt Nam sẽ được hưởng các ưu đãi thuế quan đối với hàng xuất xứ Việt Nam khi xuất khẩu sang các thị trường dệt may chủ chốt nhờ các hiệp định tự do thương mại với Nhật Bản (“EPA”), Châu Âu (“EVFTA”), Hàn Quốc, Hiệp Định Xuyên Thái Bình Dương (“TPP”). Cụ thể, thuế suất nhập khẩu sản phẩm sợi, vải và may mặc từ Việt Nam vào Châu Âu sẽ giảm từ mức thuế suất hiện hành theo GSP lần lượt là 3,2%, 6,4% và 9,6% xuống 0% sau khi ký EVFTA. Thuế suất xuất khẩu các sản phẩm dệt may từ Việt Nam sang thị trường Mỹ sẽ giảm từ mức hiện hành 17,5% xuống 0% sau khi ký TPP. Ngoài ra, hiệp định thương mại tự do FTA Việt Nam – Hàn Quốc được ký kết (khả năng sẽ có hiệu lực từ đầu năm 2016) thì thuế xuất khẩu sợi và may mặc của Việt Nam sang Hàn Quốc sẽ giảm tương ứng từ 8% và 13% xuống 0%. Ngoài ra, trong các năm tới, ngành dệt nhuộm Việt Nam được dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh mẽ để bù đắp sự thiếu hụt nguồn cung nghiêm trọng hiện nay (hiện Việt Nam chỉ sản xuất được 0,9 tỷ mét vải hoàn tất trong khi để đáp ứng nhu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu Việt nam cần ít nhất là 6,9 tỷ mét vải). Sự phát triển của ngành dệt nhuộm sẽ thúc đẩy nhu cầu sử dụng sợi ở thị trường nội địa vì để hưởng được ưu đãi thuế nhập khẩu thì sản phẩm phải được làm từ vải (khi xuất vào thị trường Châu Âu, Nhật Bản) hoặc phải làm từ sợi (khi xuất vào thị trường Mỹ).

#### **PHẦN IV. MỘT SỐ RỦI RO LỚN ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY**

Bên cạnh những rủi ro về kinh tế, rủi ro về chính sách luật pháp, rủi ro biến động giá cổ phiếu, thiên tai..... Công ty còn có những rủi ro đặc thù có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh như sau:

➤ *Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu*

Để giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Sợi Thế Kỳ đã chủ động mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu, không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào. Mỗi mặt hàng chính đều duy trì mua hàng ít nhất với 03 nhà cung ứng. Ngoài ra Công ty đã đăng ký thành viên của 1 trang web quốc tế có uy tín để cập nhật giá thị trường thường xuyên, đảm bảo nguyên vật liệu được mua với giá hợp lý phù hợp với giá thị trường. Đây là biện pháp giúp Công ty đảm bảo được sự ổn định về giá nguyên vật liệu trong một khoảng thời gian nhất định, giảm thiểu những ảnh hưởng bất cập đến hiệu quả sản xuất kinh doanh trong trường hợp giá nguyên vật liệu có biến động lớn. Ngoài ra, Công ty có thể điều chỉnh giá bán dựa trên giá nguyên liệu đầu vào. Đây cũng là một biện pháp giúp Công ty khắc phục rủi ro đặc thù.

➤ *Rủi ro tỷ giá hối đoái*

Hiện nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sử dụng nhiều ngoại tệ. Nguyên vật liệu chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài với tỷ trọng chiếm khoảng 75%-80% trong giá vốn hàng bán. Ngoài ra, Công ty hiện có khoản vay dài hạn trị giá 24 triệu USD để đầu tư nhà máy mở rộng sản xuất sợi tại Chi nhánh Trảng Bàng – Giai

đoạn 3. Vì vậy, Công ty sẽ chịu ảnh hưởng khi tỷ giá hối đoái biến động. Tuy nhiên, phần lớn sản phẩm của Sợi Thế Kỷ xuất khẩu ra nước ngoài với tỷ trọng trên 70% đã thu về nguồn ngoại tệ khá lớn và ổn định cho Công ty, nhờ đó giúp hạn chế rủi ro từ việc biến động tỷ giá hối đoái. Bên cạnh đó, với chính sách chặt chẽ về hạn chế rủi ro liên quan đến trạng thái ngoại tệ, ảnh hưởng của biến động tỷ giá đến lợi nhuận của Công ty hiện không đáng kể. Cụ thể, chi phí tài chính bao gồm các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và lãi vay từ năm 2013 đến 6 tháng đầu năm 2015 có tỷ trọng dao động trong khoảng từ 0,86% - 3,29 %/ doanh thu thuần về bán hàng của Công ty.

➤ *Rủi ro nguồn cung lao động*

Các cơ hội phát triển sản xuất kinh doanh mang lại cho ngành dệt may từ các hiệp định thương mại tự do FTA, TPP đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải có nhiều lao động. Tuy nhiên hiện nay các doanh nghiệp ngành dệt may khu vực phía Nam phải đối mặt với một thực trạng là sự dịch chuyển nhân lực, khó tuyển được nhân lực chất lượng cao. Theo Hiệp hội dệt may Việt Nam, đến nay tổng nhân lực của ngành dệt may hiện khoảng 2,5 triệu người nhưng lao động công nghiệp chỉ chiếm khoảng 15%. Đặc biệt, việc thiếu hụt nhân sự cấp cao có kinh nghiệm hoạt động trong môi trường quốc tế và nguồn lao động có trình độ chuyên môn và kỹ thuật lao động cao là một thách thức đối với Sợi Thế Kỷ trong quá trình nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh năng lực cạnh tranh của Sợi Thế Kỷ trong môi trường quốc tế. Do đó, Công ty luôn chú trọng đào tạo nhân lực, tăng cường chính sách đãi ngộ, nâng cao chất lượng môi trường làm việc để giảm thiểu rủi ro về thiếu hụt nguồn lao động.

➤ *Rủi ro tín dụng*

Việc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng có thể gây tổn thất tài chính đối với STK. Tuy nhiên, nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng, Công ty yêu cầu hầu hết các khách hàng phải trả tiền mặt khi giao hàng và chỉ cấp tín dụng thương mại cho một số ít khách hàng truyền thống.